

HỘI NGHỊ GENÈVE VỀ ĐÔNG DƯƠNG NĂM 1954 – THẮNG LỢI LỚN TRONG LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM

BÙI ANH THƯ*

TÓM TẮT

Bài viết phân tích bối cảnh lịch sử và quan điểm chiến lược của năm nước lớn tham dự Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954, từ đó làm sáng tỏ kết quả Hội nghị đối với phía Việt Nam, khẳng định cuộc đàm phán tại Genève năm 1954 là một thắng lợi to lớn trong lịch sử ngoại giao nước ta, tạo tiền đề và cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam tiếp tục cuộc đấu tranh đi tới thống nhất đất nước năm 1975.

Từ khóa: Hiệp định Genève, Đông Dương, hội nghị, ngoại giao.

ABSTRACT

The Geneva Conference on Indochina in 1954

– The major victory in the diplomatic history of Vietnam

The article analyses the historical context and the strategic standpoints of five major countries attending The Geneva Conference on Indochina in 1954, clarifying the impacts of the conference's results on Viet Nam, and affirming that the negotiation at Geneva in 1954 was a great success in the diplomatic history of our country, setting the premises and the important legal foundation for us to continue the struggle to reunify our country in 1975.

Keywords: The Geneva Accords, Indochina, conference, diplomacy.

1. Mở đầu

Sáu mươi năm đã trôi qua kể từ khi Hiệp định Genève về Đông Dương được kí kết. Cho đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá về kết quả cũng như ý nghĩa lịch sử của văn kiện này đối với Việt Nam. Hầu hết đều thống nhất quan điểm rằng, đây là một thắng lợi lớn trong lịch sử ngoại giao nước ta. Song bên cạnh đó cũng có ý kiến cho rằng, kết quả mà Hiệp định Genève mang lại chưa tương xứng với những gì Việt Nam đạt được trên mặt trận quân sự. Trong bài viết này, với tinh thần học hỏi và xây dựng, chúng tôi xin góp thêm một lời bàn về vấn đề trên.

2. Bối cảnh lịch sử của Hội nghị Genève về Đông Dương

Hội nghị Genève về Đông Dương diễn ra trong một bối cảnh quốc tế có nhiều biến chuyển mới mẻ và phức tạp. Năm 1953 là một năm ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng, tác động trực tiếp đến sự chuyển biến của cục diện toàn cầu nói chung và châu Á nói riêng, đặc biệt là đối với cuộc chiến tranh Đông Dương.

Tháng 3-1953, nhà lãnh đạo cao nhất của Liên Xô – Joseph Stalin từ trần. Ban lãnh đạo mới của Liên Xô điều chỉnh chiến lược đối ngoại để giảm bớt sự gay gắt của chiến tranh lạnh, thực hiện chính sách hòa hoãn quốc tế, củng cố lực lượng

* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

trong nước nhằm chạy đua với Mỹ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị.

Cuộc khủng hoảng chính trị trên bán đảo Triều Tiên, bắt đầu từ năm 1950, giữa hai lực lượng quân đội Bắc Triều Tiên được Trung Quốc chi viện và Nam Triều Tiên được Mỹ ủng hộ, không phân thắng bại và đi đến kí kết Hiệp định đình chiến vào tháng 7-1953. Đình chiến ở Triều Tiên mang một ý nghĩa lịch sử to lớn trong việc thúc đẩy giải quyết các xung đột trên thế giới lúc bấy giờ thông qua con đường đàm phán ngoại giao.

Tính đến năm 1953, cuộc chiến tranh Đông Dương đã bước vào năm thứ tám. Sa lầy tại cuộc chiến, nước Pháp gánh chịu những thiệt hại nặng nề về người và của. Điều này đã dẫn đến sự chia rẽ sâu sắc trong chính quyền, với việc phân hóa thành hai nhóm quan điểm chủ hòa và chủ chiến. Tình hình nước Pháp càng thêm tồi tệ với việc ngày càng gia tăng các cuộc đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân yêu cầu Chính phủ chấm dứt “cuộc chiến tranh bẩn thỉu”. “Một lối thoát danh dự” là điều mà các nhà cầm quyền Pháp mong mỏi cho cuộc chiến Đông Dương lúc này.

Trong bối cảnh quốc tế ngày càng bộc lộ xu hướng giải quyết vấn đề Đông Dương thông qua giải pháp thương lượng, hòa bình, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những bước chuẩn bị đấu tranh với kẻ thù trên mặt trận ngoại giao. Ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn của một nhà báo Thụy Điển về vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Cuộc chiến tranh

ở Việt Nam là do Chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược chính là để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hòa bình. Hiện nay, nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng, nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó... Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt Nam” [4, tr.168].

Tuyên bố của Hồ Chủ tịch đã có tiếng vang lớn trên thế giới, nhất là ở Pháp. Trước sức ép của dư luận trong nước và quốc tế, Chính phủ Laniel buộc phải tuyên bố: “Nếu một giải pháp danh dự xuất hiện trong khung cảnh địa phương hoặc trong khung cảnh quốc tế, nước Pháp sẽ vui lòng chấp nhận một giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột” [3, tr.524]. Đây có thể xem là một bước tiến trên con đường đi đến giải pháp thương lượng hòa bình giữa Việt Nam và Pháp.

Từ 25-01-1954 đến 20-02-1954, Hội nghị tứ cường họp ở Béclin, giữa ngoại trưởng các nước Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, đi đến thống nhất sẽ triệu tập hội nghị quốc tế tại Genève để bàn giải pháp hòa bình cho vấn đề Triều Tiên và

lập lại hòa bình ở Đông Dương. Quyết định này được dư luận quốc tế hoan nghênh.

Hội nghị Genève về Đông Dương bắt đầu từ ngày 8-5-1954, một ngày sau khi nước Pháp và toàn thế giới chấn động trước tin tập đoàn Điện Biên Phủ đã thất thủ trước quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Một sự mở đầu thuận lợi cho ta nhưng không đồng nghĩa với việc cuộc đấu tranh ngoại giao tiếp sau đó sẽ không gặp những khó khăn, phức tạp.

3. Ý đồ của các nước lớn tham dự Hội nghị

Hội nghị Genève về Đông Dương được triệu tập với sự dàn xếp giữa các nước lớn. Các cường quốc này đến Hội nghị với những mục tiêu và toan tính khác nhau.

Về phía Liên Xô, sau khi Stalin mất, Khrushchov lên cầm quyền, chủ trương hòa hoãn với phương Tây, trước hết là với Mỹ, nhằm tranh thủ hòa bình, tránh dính líu vào những cuộc xung đột trên thế giới để củng cố thực lực, tập trung xây dựng và phát triển đất nước. Ra sức ủng hộ Trung Quốc tham gia Hội nghị Genève, Liên Xô muốn củng cố mối quan hệ đồng minh chiến lược giữa hai nước, muốn Trung Quốc hiểu thiện ý của Liên Xô trong việc nhường Trung Quốc giữ vai trò chính trong việc giải quyết các vấn đề Viễn Đông – như một sự phân công quốc tế trong hệ thống xã hội chủ nghĩa giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Được sự hậu thuẫn từ Liên Xô, Trung Quốc nghiêm nhiên đóng vai trò của một cường quốc ngồi cùng bàn với bốn nước lớn còn lại trong Hội nghị là

Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ. Trung Quốc xem đây là cơ hội lớn để khẳng định vị trí của mình ở khu vực châu Á, đồng thời từng bước đi đến bình thường hóa quan hệ với các nước Tây Âu và Mỹ. Điều này rất cần thiết để Trung Quốc phát triển kinh tế, xác lập vị thế nước lớn của mình. Mục tiêu quan trọng hàng đầu của Trung Quốc tại Hội nghị Genève là một giải pháp thương lượng hòa bình cho vấn đề Đông Dương nhằm đẩy Mỹ ra xa biên giới phía Nam, tách ảnh hưởng Việt Nam khỏi Lào, Cam-pu-chia và tạo cho Trung Quốc tầm ảnh hưởng chiến lược tại khu vực giàu tiềm năng này.

Ra sức bác bỏ vai trò của Trung Quốc trong Hội nghị Genève, Mỹ đến Hội nghị với mục tiêu ngăn cản một giải pháp có lợi cho thanh thế của phe xã hội chủ nghĩa và từng bước xác lập những điều kiện cần thiết để thay thế Pháp thống trị Đông Dương.

Đối với Anh, mục tiêu của Anh trong Hội nghị Genève là ra sức ủng hộ Pháp trong khả năng có thể vì muốn ngăn chặn âm mưu mở rộng tầm ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực Viễn Đông. Việc Anh chấp nhận Trung Quốc tham dự Hội nghị xuất phát từ lo ngại trong việc duy trì quyền lợi của Anh tại Hồng Kông, Trung Quốc lục địa và xa hơn nữa là “Khỏi thịnh vượng chung” châu Á. Anh nhận thấy đó là phương thức cần thiết để làm dịu tình hình Viễn Đông, bảo vệ lợi ích của mình trong vùng này và giúp Anh tập trung sức mạnh để đối phó các phong trào cộng sản tại các nước thuộc địa châu Á.

Cũng giống Anh, lợi ích sống còn

trong vấn đề Đông Dương là điều duy nhất buộc Pháp đi đến thương lượng với chính quyền Chu Ân Lai. Đồng thời, một hội nghị quốc tế đa phương là cơ hội tốt nhất để Pháp đạt được những giải pháp có lợi nếu biết khai thác ý đồ của Liên Xô, Trung Quốc, cùng với sự ủng hộ của các nước đồng minh, tránh phải nói chuyện trực tiếp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau thất bại tại Điện Biên Phủ.

Một hội nghị quốc tế được triệu tập với một ý nghĩa rất nhân văn là lập lại hòa bình cho Đông Dương, thực chất là một cuộc dàn xếp lợi ích quốc gia giữa các nước lớn. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong kết quả Hội nghị Genève đối với Việt Nam.

4. Kết quả Hội nghị Genève – thắng lợi to lớn trong lịch sử ngoại giao Việt Nam

Ngày 8-5-1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc tại Genève. Hội nghị đã trải qua 75 ngày thương lượng căng thẳng với 31 phiên họp, trong đó có 7 phiên toàn thể và 24 phiên họp hẹp cấp trưởng đoàn; thảo luận bốn vấn đề chính: vấn đề ngừng bắn cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương; vấn đề liên quan giữa hai mặt chính trị và quân sự; vấn đề quy định khu vực tập kết của quân đội hai bên; vấn đề kiểm soát việc thi hành Hiệp định đình chiến.

Tại Hội nghị, đại diện phái đoàn Việt Nam - Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đưa ra lập trường tám điểm, nêu rõ quan điểm của Việt Nam trên một số nội dung thương lượng chủ yếu như sau:

giải quyết đồng thời các vấn đề chính trị và quân sự ở ba nước Đông Dương; ngừng bắn hoàn toàn và đồng thời trên toàn cõi Đông Dương, rút hết quân đội khỏi ba nước Đông Dương, trao đổi tù binh chiến tranh; Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương; phân vùng lãnh thổ cho việc chuyển quân tập kết tạm thời ở ba nước Đông Dương, thời hạn hoàn thành việc tập kết chuyển quân là ba tháng; tổ chức tổng tuyển cử tự do ở ba nước Đông Dương để lập chính phủ thống nhất trong cả nước, ở Việt Nam thời hạn tuyển cử là sáu tháng, muộn nhất là một năm...

Sau những phiên tranh luận căng thẳng, Hội nghị đi đến một sự nhất trí chung, đưa đến việc kí kết Hiệp định Genève về Đông Dương vào sáng ngày 21-7-1954, gồm bản Tuyên bố cuối cùng 13 điều và ba Hiệp định đình chỉ chiến sự ở ba nước Đông Dương.

Dựa trên sự so sánh giữa lập trường 8 điểm của đoàn Việt Nam và nội dung Hiệp định Genève được kí kết, Việt Nam nói riêng và ba nước Đông Dương nói chung đạt được một số thắng lợi cơ bản trong đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị, cụ thể là:

Thứ nhất, chúng ta đã đạt được mục tiêu chính trị quan trọng hàng đầu là Pháp cùng các bên tham gia Hội nghị đã phải tuyên bố thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Ba nước sẽ tiến hành tổng tuyển cử để từ đó thành lập chính phủ thống nhất ở mỗi nước.

Thứ hai, Pháp đã phải tuyên bố

chấm dứt chiến tranh, rút hết quân đội ra khỏi các nước Đông Dương.

Thứ ba, Hội nghị ra tuyên bố cấm việc đem quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài vào các nước Đông Dương, cấm đặt căn cứ quân sự nước ngoài ở Đông Dương; ba nước không được gia nhập liên minh quân sự hoặc cho bên ngoài sử dụng lãnh thổ để gây chiến tranh hoặc phục vụ cho một chính sách xâm lược.

Trong bối cảnh Hội nghị chứa đựng nhiều yếu tố bất lợi, chúng ta vẫn đạt được những yêu cầu cơ bản đề ra, vì thế những thắng lợi này là rất đáng trân trọng. Nhìn lại thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ II, các nước lớn họp bàn phân chia khu vực ảnh hưởng trên thế giới, quyết định số phận của các quốc gia còn lại. Nhưng đến Hội nghị Genève, họ đã phải thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương. Nếu so sánh với vấn đề Triều Tiên, Hiệp định Genève về Triều Tiên chỉ tập trung giải quyết vấn đề quân sự; trong khi Hiệp định Genève về Đông Dương, chúng ta đạt được một hiệp định toàn diện có cả quân sự, chính trị, pháp lí. Văn kiện lịch sử này “đã ghi nhận thắng lợi to lớn có tính chất bước ngoặt của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược, vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Hiệp định xác nhận trên phạm vi quốc tế sự thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, chấm dứt sự nô dịch của thực dân Pháp ở Việt Nam, cũng như trên toàn bán đảo Đông Dương” [3, tr.575].

Điều quan trọng nhất là thắng lợi này đã tạo cơ sở pháp lí cho chúng ta tiến lên giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc giai đoạn sau. Nói như Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình: “Hiệp định Genève là cơ sở pháp lí quan trọng để nhân dân ta tiến lên đấu tranh đòi thống nhất đất nước” [3, tr.578], mà cụ thể đó là một cơ sở pháp lí cho cuộc đấu tranh ngoại giao với Mĩ tại Hội nghị Paris về Việt Nam năm 1973.

Sau Hiệp định Genève, với việc miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã tạo dựng một căn cứ địa cách mạng, một hậu phương vững chắc cho đất nước đi đến thắng lợi, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ vào năm 1975. Như lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Việc chúng ta kí Hiệp định Giơnevơ, giải phóng được miền Bắc và xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa cho cả nước, thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn chính là nhân tố quyết định nhất. Còn sức đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam là nhân tố trực tiếp quyết định thắng lợi.” [1, tr.255]. Điều này càng cho thấy rõ ý nghĩa to lớn của Hiệp định Genève.

Đối với quốc tế, việc một quốc gia từng là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã được các nước lớn công nhận nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đã gây một tác động sâu sắc đến phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới. Việt Nam trở thành tượng đài của tinh thần đoàn kết vì độc lập, hòa bình và dân chủ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng

lợi, chúng ta cũng có những mục tiêu không đạt được như mong muốn. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về vấn đề phân chia giới tuyến, trong tuyên bố 8 điểm được Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng trình bày tại Hội nghị, ta đã nêu chủ trương lấy vĩ tuyến 13 hoặc ít nhất là vĩ tuyến 16 làm ranh giới phân chia vùng tập kết. Tuy nhiên, dưới sự thỏa hiệp của các nước lớn, cuối cùng ta đành phải chấp nhận vĩ tuyến 17. Đối với Lào, ta nêu chủ trương chia giới tuyến dọc theo đất nước từ Bắc xuống Nam, nhưng cuối cùng chỉ đạt được thỏa thuận tập kết lực lượng Pathet Lào tại hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Salỳ. Với Cam-pu-chia, ta đặt vấn đề cần có một khu vực tập kết cho lực lượng Khmer Itsarak, tuy nhiên quyết định cuối cùng lại là giải ngũ tại chỗ lực lượng này, cho hòa nhập vào nhân dân hoặc tham gia cảnh sát quốc gia.

Thứ hai, về thời hạn hoàn thành việc tập kết chuyển quân, phía Việt Nam chủ trương là 90 ngày nhưng cuối cùng thống nhất là 300 ngày. Chủ ý kéo dài thời gian chuyển quân, Pháp muốn tranh thủ phá hoại cơ sở vật chất, gây mất ổn định chính trị - xã hội những vùng được giao cho ta quản lý. Điều này gây cho chúng ta không ít khó khăn trong công tác quản lý đất nước về sau.

Thứ ba, về tổ chức tổng tuyển cử tự do, Việt Nam đưa ra thời hạn tuyển cử là sáu tháng hoặc muộn nhất là một năm sau ngày ngừng bắn, nhưng cuối cùng thỏa thuận đạt được kéo dài tới hai năm.

Những hạn chế trên đã gây ra những ý kiến trái chiều trong đánh giá kết

quả của Hiệp định Genève đối với Việt Nam. Không ít những câu hỏi đặt ra như: liệu Hội nghị Genève có thực sự là một thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao của ta? Liệu những gì chúng ta giành được trên bàn hội nghị có phản ánh tương xứng với những gì dân tộc ta bỏ ra sau chín năm kháng chiến trường kì, đặc biệt là sau chiến thắng Điện Biên Phủ? Chúng ta cần có một cái nhìn tổng quát, dựa trên phương pháp biện chứng để tránh những đánh giá mang tính chủ quan, thiếu thực tế. Nói như nhà sử học Dương Trung Quốc: “Không thể đánh giá sự kiện Giơnevơ 1954 cách đây nửa thế kỉ bằng tâm thức của ngày hôm nay. Không thể đòi hỏi một nền ngoại giao của một quốc gia từ trong rừng sâu của chiến khu lần đầu tiên đến một hội nghị quốc tế với sự tham dự của những cường quốc lớn nhất của hai khối chính trị đối địch nhau giữa thời Chiến tranh lạnh, lại có ngay được một tư thế hoàn toàn độc lập, tự chủ trong mọi quyết định trên bàn đàm phán” [1, tr.188-189]. Những thắng lợi chúng ta đạt được trên bàn hội nghị có thể chưa tương xứng với một thắng lợi quân sự như Chiến dịch Điện Biên Phủ, nhưng thực tế phải nhìn nhận là chúng ta đã dốc toàn lực cho chiến dịch lịch sử này, trong khi đó, thực lực của Pháp trên toàn chiến trường Đông Dương chưa phải đã đi đến chỗ tan rã hoàn toàn, quan trọng nhất là giới cầm quyền Pháp vẫn chưa thực sự từ bỏ ý đồ thống trị Đông Dương và ngoài ra Pháp luôn có những cường quốc đứng sau hậu thuẫn.

Xét đến cùng, nguyên nhân chủ yếu đưa đến những hạn chế trong kết quả Hội

ngị Genève đối với Việt Nam, là bởi ngay từ đầu Hội nghị đã được triệu tập bởi ý đồ, mưu toan của các nước lớn. Trong quá trình thỏa thuận triệu tập Hội nghị, Việt Nam hoàn toàn không được tham khảo ý kiến. Chín bên tham dự Hội nghị (Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mĩ, Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, Vương quốc Lào, Vương quốc Cam-puchia), chỉ có duy nhất Việt Nam là đại biểu của lực lượng kháng chiến ở Đông Dương. Hai đồng minh của ta là lực lượng kháng chiến Pathet Lào và Khmer Tisarak tuy đã có mặt ở Genève nhưng không được các đoàn phương Tây chấp nhận, cũng như không nhận được sự ủng hộ của Liên Xô và Trung Quốc. Vì vậy, chúng ta đã mất đi những đồng minh quan trọng để có thể phối hợp đấu tranh trên bàn Hội nghị vì mục tiêu chung của ba nước. Một Hội nghị đã bị quốc tế hóa, trong khi đó Việt Nam chỉ là một bên

tham gia, chúng ta không thể đàm phán trực tiếp với Pháp, không phát huy được vai trò của người chiến thắng sau sự kiện Điện Biên Phủ âu cũng là điều dễ hiểu.

5. Kết luận

Sáu mươi năm nhìn lại kết quả Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954, xét trong điều kiện trong nước và quốc tế lúc bấy giờ, đây thực sự là “một thắng lợi to lớn về ngoại giao của ta” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói lúc sinh thời. Cuộc đàm phán lịch sử này đã cung cấp nhiều bài học quý báu cho lĩnh vực ngoại giao Việt Nam. Trong đó bài học về tính độc lập, tự chủ, linh hoạt trong đàm phán; bài học về nắm vững tình hình quốc tế, ý đồ và chiến lược của các nước lớn; bài học về đàm phán trực tiếp với kẻ thù... vẫn phát huy giá trị trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Vũ Dương Huân (2008), *Hiệp định Giơnevơ: 50 năm nhìn lại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lưu Văn Lợi (1996), *50 năm ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*, tập 1 – *Ngoại giao Việt Nam 1945-1975*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
5. Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2004), *50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước (1954-2004)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-5-2014; ngày phản biện đánh giá: 15-5-2014;
ngày chấp nhận đăng: 30-7-2014)